

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

- Mã chứng khoán: WCS
- Địa chỉ: 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 19007373 Fax: (028) 38752853
- Email: tchc.vanthu@gmail.com Website: www.bxmt.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có☒ Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có☒ Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/02/2026 tại đường dẫn: <https://bxmt.com.vn/vi/co-dong.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT



Đặng Hoàng Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN XE MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22 /BXMT-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế
năm 2025 tăng 10,89% so với cùng kỳ

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây giải trình các nguyên nhân đạt lợi nhuận sau thuế của báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 tăng 10,89% so với cùng kỳ năm 2024, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 191.750.081.327 đồng, đạt mức tăng trưởng 9,80% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó:

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 171.969.182.626 đồng, tăng 8,65% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do năm nay có thêm một số doanh nghiệp vận tải mới vào bến đăng ký khai thác tuyến, thay đổi cách tính tiền xe trung chuyển, điều chỉnh thu dịch vụ hoa hồng ủy thác bến bán vé và giảm số giờ cho từng lượt thu tiền dịch vụ lưu đậu.

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác đạt 19.780.898.701 đồng tăng 20,94% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính là do thu nhập khác tăng 16,12% do lượng hành khách qua bến tăng nên hoạt động kinh doanh các dịch vụ khác cũng tăng theo, ngoài ra trong kỳ này có phát sinh doanh thu bán thanh lý xe ô tô Fortuner 325.404.792 đồng. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 23,54% do số tiền gửi và lãi suất huy động tiền gửi đều tăng so với cùng kỳ.

Tổng chi phí năm 2025 là 86.787.875.814 đồng, tăng 8,55% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng này thấp hơn so với mức tăng trưởng của doanh thu. Nguyên nhân chính là do tăng chi phí tiền lương, trợ cấp thôi việc, chi phí tiền điện, sửa chữa nhỏ, chi phí hội nghị khách hàng thường niên...bên cạnh đó thì một số chi phí khác được duy trì ổn định, không thay đổi.

Nhìn chung trong năm 2025, kết quả đạt được so với cùng kỳ thì mức tăng trưởng của doanh thu tăng 9,80% so với mức tăng của chi phí là 8,55%. Do vậy,

lợi nhuận sau thuế của báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt 83.692.604.099 đồng, tăng 10,89% so với cùng kỳ năm 2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT (TCHC).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 7 (bảy) vào ngày 16 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 1900 7373
- Fax : (028) 3 875 2853

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Hoạt động khai thác, điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Dịch vụ vận tải hành khách nội tỉnh, liên tỉnh. Dịch vụ vận tải hành khách theo Hợp đồng;
- Nhận ủy thác bán vé đối với các doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô. Tổ chức bán vé cho khách, sắp xếp xe ô tô vào bến đón khách, trả khách đảm bảo trật tự, an toàn;
- Cung cấp Dịch vụ ăn uống phục vụ hành khách, lái phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyển);
- Mua bán phụ tùng thay thế xe ô tô;
- Bán buôn xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí phục vụ cho hành khách trong khuôn viên bến xe;
- Cung cấp dịch vụ lưu trú cho hành khách theo giờ và theo ngày tại bến xe;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Bán vé xe khách qua điện thoại hoặc internet hoặc các phương tiện quảng cáo khác;
- Cho thuê bãi đậu xe, văn phòng, quầy bán vé, cửa hàng kinh doanh (Ki-ốt) được xây dựng trong bến xe.

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là khai thác điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 30.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Hội đồng Quản trị**

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2021
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2021
Ông Trần Văn Phương	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/05/2025
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/05/2025
Ông Mai Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021
Ông Bùi Công Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2025
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2025
Ông Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2022
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2025
Bà Đỗ Kiều Kim Ngân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/06/2025
Ông Nguyễn Văn Thành	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/05/2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2021
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2021
Bà Nguyễn Văn Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2025
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2025

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026



Số: 226/2026/BCKT-HCM.00342

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

BÙI VĂN BÔNG
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0177-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		298.545.941.310	273.541.568.116
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.633.241.281	131.447.991.915
Tiền	111		2.633.241.281	13.447.991.915
Các khoản tương đương tiền	112		-	118.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		277.300.000.000	130.580.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	277.300.000.000	130.580.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.986.859.156	8.841.543.357
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.873.890.164	5.414.083.209
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.500.149.097	497.203.336
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.643.710.645	2.961.147.562
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(30.890.750)	(30.890.750)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	11.520.000	97.194.000
Hàng tồn kho	141		11.520.000	97.194.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.614.320.873	2.574.838.844
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	824.052.023	547.508.431
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	3.790.268.850	2.027.330.413
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.386.101.615	34.077.941.186
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.000.000	6.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		6.000.000	6.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		29.196.247.444	33.067.300.809
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	26.163.281.219	29.456.401.929
Nguyên giá	222		100.186.127.404	99.924.951.292
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.022.846.185)	(70.468.549.363)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.032.966.225	3.610.898.880
Nguyên giá	228		7.639.900.503	7.808.554.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.606.934.278)	(4.197.655.510)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.618.170.119	589.958.182
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.618.170.119	589.958.182
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		565.684.052	414.682.195
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	565.684.052	414.682.195
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		329.932.042.925	307.619.509.302

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		43.568.672.383	42.025.992.859
Nợ ngắn hạn	310		39.469.592.372	37.959.321.332
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	827.990.449	189.251.973
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	22.244.578	10.235.045
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.920.898.359	5.177.718.937
Phải trả người lao động	314	5.15	21.414.115.828	17.831.763.081
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	372.182.463	283.138.218
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.199.748.038	1.665.582.375
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	9.712.412.657	12.801.631.703
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		4.099.080.011	4.066.671.527
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	4.099.080.011	4.066.671.527
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY



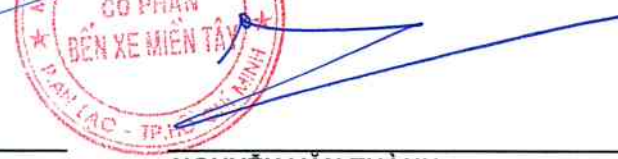
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.363.370.542	265.593.516.443
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	286.363.370.542	265.593.516.443
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(80.850.000)	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(330.000)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		113.927.026.605	118.927.026.605
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.517.523.937	121.666.489.838
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71.666.489.838	58.985.648.673
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.851.034.099	62.680.841.165
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		329.932.042.925	307.619.509.302


NGUYỄN THỊ HẰNG
Người lập biểu
ĐỖ KIỀU KIM NGÂN
Kế toán trưởng
NGUYỄN VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026


CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		171.969.182.626	158.282.285.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	171.969.182.626	158.282.285.993
Giá vốn hàng bán	11	6.2	68.280.440.077	62.895.483.646
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.688.742.549	95.386.802.347
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.127.810.485	10.626.324.956
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	18.507.419.316	17.053.901.578
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.309.133.718	88.959.225.725
Thu nhập khác	31	6.5	6.653.088.216	5.729.288.395
Chi phí khác	32		16.421	1.374.852
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		6.653.071.795	5.727.913.543
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.962.205.513	94.687.139.268
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	21.269.601.414	19.216.298.103
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.692.604.099	75.470.841.165
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	26.375	25.072


NGUYỄN THỊ HẰNG
Người lập biểu
ĐỖ KIỀU KIM NGÂN
Kế toán trưởng
NGUYỄN VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		104.962.205.513	94.687.139.268
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.236.182.878	4.595.885.417
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		-	(137.501.300)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.453.215.277)	(10.688.486.774)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		96.745.173.114	88.457.036.611
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(6.708.359.878)	(625.219.740)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		85.674.000	2.022.000
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.212.756.135)	2.456.021.624
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(427.545.449)	725.974.051
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.14	(20.534.009.307)	(19.185.227.410)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		31.150.000	22.642.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.875.687.182)	(14.042.206.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		56.103.639.163	57.811.043.013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.522.532.748)	(11.020.106.564)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		474.856.846	62.161.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(533.900.000.000)	(170.050.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		387.180.000.000	239.740.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.927.916.127	10.769.359.003
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(134.839.759.775)	69.501.414.257
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		(80.850.000)	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(330.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49.997.450.022)	(40.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.078.630.022)	(40.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(128.814.750.634)	87.312.457.270
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	131.447.991.915	44.135.534.645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		2.633.241.281	131.447.991.915

NGUYỄN THỊ HẰNG
Người lập biểu

ĐỖ KIỀU KIM NGÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 7 (bảy) vào ngày 16 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 30.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Hoạt động khai thác, điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Dịch vụ vận tải hành khách nội tỉnh, liên tỉnh. Dịch vụ vận tải hành khách theo Hợp đồng;
- Nhận ủy thác bán vé đối với các doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô. Tổ chức bán vé cho khách, sắp xếp xe ô tô vào bến đón khách, trả khách đảm bảo trật tự, an toàn;
- Cung cấp Dịch vụ ăn uống phục vụ hành khách, lái phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyển);
- Mua bán phụ tùng vật tư xe ô tô;
- Bán buôn xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí phục vụ cho hành khách trong khuôn viên bến xe;
- Cung cấp dịch vụ lưu trú cho hành khách theo giờ và theo ngày tại bến xe;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Bán vé xe khách qua điện thoại hoặc internet hoặc các phương tiện quảng cáo khác;
- Cho thuê bãi đậu xe, văn phòng, quầy bán vé, cửa hàng kinh doanh (Ki-ốt) được xây dựng trong bến xe.

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là khai thác điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 151 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 152 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm phát sinh. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền

Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí mua. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian khấu hao 10 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi

phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ vào lương người lao động là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương người lao động là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ vào lương người lao động là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm 2025, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.16 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Việt Nam	Chung Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Việt Nam	Chung Công ty mẹ
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Việt Nam	Chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết	Việt Nam	Chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Việt Nam	Chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn	Việt Nam	Chung Công ty mẹ

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.398.447.381	470.819.958
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.234.793.900	12.977.171.957
Các khoản tương đương tiền	-	118.000.000.000
	2.633.241.281	131.447.991.915

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (*)				
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Chợ Lớn	155.200.000.000	155.200.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – chi nhánh Tân Định	88.000.000.000	88.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bình Tân	10.800.000.000	10.800.000.000	10.490.000.000	10.490.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Sài Gòn	8.900.000.000	8.900.000.000	3.090.000.000	3.090.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn	14.400.000.000	14.400.000.000	-	-
	277.300.000.000	277.300.000.000	130.580.000.000	130.580.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi 06 tháng, lãi suất từ 4,55% - 5,48%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	45.594.851	136.604.103
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	-	46.054.687
Các đối tượng khác		
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang FutaBusLines	4.735.950.810	4.111.636.018
Các khách hàng khác	1.092.344.503	1.119.788.401
	5.873.890.164	5.414.083.209

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Xây dựng Huy Thước	2.508.883.651	-
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Phú Hưng	1.195.085.560	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Công Nghệ Hoàn Phát	134.715.960	164.662.500
Các nhà cung cấp khác	661.463.926	332.540.836
	4.500.149.097	497.203.336

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan – Thuế Thu nhập cá nhân				
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	168.213.919	-	298.964.064	-
Ông Trần Văn Phương	158.584.606	-	232.390.052	-
Ông Nguyễn Xuân Tùng	118.487.891	-	96.940.826	-
Ông Nguyễn Minh Tiến	107.315.298	-	122.117.603	-
Ông Nguyễn Văn Thành	144.232.995	-	115.784.328	-
Đỗ Kiều Kim Ngân	60.802.206	-		-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	1.755.967.566	-	1.302.448.883	-
Lãi dự thu	614.406.164	-	414.511.806	-
Tạm ứng nhân viên	515.700.000	-	377.700.000	-
Khác	-	-	290.000	-
	3.643.710.645	-	2.961.147.562	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các đối tượng khác						
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Kim Kim Mai	Trên 03 năm	19.890.750	-	Trên 03 năm	19.890.750	-
DNTN vận chuyển hành khách hàng hóa Thảo Nguyễn	Trên 03 năm	11.000.000	-	Trên 03 năm	11.000.000	-
		30.890.750	-		30.890.750	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày đầu năm	30.890.750	168.392.050
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Tại ngày cuối năm	30.890.750	168.392.050

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.520.000	-	19.450.000	-
Hàng hoá	-	-	77.744.000	-
	11.520.000	-	97.194.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ dụng cụ	251.082.245	230.105.816
Chi phí sửa chữa	151.087.663	27.360.876
Chi phí khác	421.882.115	290.041.739
	824.052.023	547.508.431

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ dụng cụ	67.650.047	241.489.269
Chi phí sửa chữa	292.394.424	126.321.109
Chi phí khác	205.639.581	46.871.817
	565.684.052	414.682.195

5.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	82.421.109.581	12.239.388.389	3.724.145.455	1.540.307.867	99.924.951.292
Tăng trong năm	320.118.931	309.110.000	-	461.020.000	1.090.248.931
Tăng từ XDCB dở dang	-	349.323.817	-	-	349.323.817
Giảm do thanh lý	-	-	(1.170.445.455)	-	(1.170.445.455)
Giảm khác	(7.951.181)	-	-	-	(7.951.181)
Tại ngày 31/12/2025	82.733.277.331	12.897.822.206	2.553.700.000	2.001.327.867	100.186.127.404
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	63.125.576.189	4.700.350.139	1.702.378.624	940.244.411	70.468.549.363
Khấu hao trong năm	2.717.335.296	1.202.608.916	388.330.989	267.015.022	4.575.290.223
Giảm do thanh lý	-	-	(1.020.993.401)	-	(1.020.993.401)
Tại ngày 31/12/2025	65.842.911.485	5.902.959.055	1.069.716.212	1.207.259.433	74.022.846.185
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	19.295.533.392	7.539.038.250	2.021.766.831	600.063.456	29.456.401.929
Tại ngày 31/12/2025	16.890.365.846	6.994.863.151	1.483.983.788	794.068.434	26.163.281.219
Trong đó, nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.731.051.379	2.989.169.335	-	681.040.680	57.401.261.394

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	Phần mềm máy tính	Giấy phép nhượng quyền	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	877.402.000	1.425.873.503	4.844.978.887	202.000.000	458.300.000	7.808.554.390
Tăng trong năm	-	-	82.960.000	-	-	82.960.000
Giảm khác	-	-	(251.613.887)	-	-	(251.613.887)
Tại ngày 31/12/2025	877.402.000	1.425.873.503	4.676.325.000	202.000.000	458.300.000	7.639.900.503
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	877.402.000	1.425.873.503	1.582.353.657	19.059.674	292.966.676	4.197.655.510
Khấu hao trong năm	-	-	578.692.655	20.199.996	62.000.004	660.892.655
Giảm khác	-	-	(251.613.887)	-	-	(251.613.887)
Tại ngày 31/12/2025	877.402.000	1.425.873.503	1.909.432.425	39.259.670	354.966.680	4.606.934.278
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	-	-	3.262.625.230	182.940.326	165.333.324	3.610.898.880
Tại ngày 31/12/2025	-	-	2.766.892.575	162.740.330	103.333.320	3.032.966.225
Trong đó, nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	877.402.000	1.425.873.503	830.115.000	-	148.300.000	3.281.690.503

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2025	Chi phí xây dựng phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Tư vấn lập đề xuất "Xây dựng Bến xe Miền Tây mới"	90.909.091	-	-	90.909.091
Toà nhà văn phòng Bến xe Miền Tây	142.363.636	508.179.946	-	650.543.582
Hệ thống quản lý và điều hành vận tải bằng ô tô	293.503.637	55.820.180	(349.323.817)	-
Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời	45.000.000	-	-	45.000.000
Cải tạo hệ thống cống thoát nước và trang bị máy bơm chống ngập khi trời mưa	-	58.788.318	-	58.788.318
Lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bến xe Miền Tây hiện hữu	-	515.425.741	-	515.425.741
Cải tạo mặt bằng nhựa bến xe	-	239.321.569	-	239.321.569
Trạm cấp khí CNG Bến xe Miền Tây	18.181.818	-	-	18.181.818
	589.958.182	1.377.535.754	(349.323.817)	1.618.170.119

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH TMDV Song Quỳnh	381.657.120	381.657.120	-	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa	191.560.550	191.560.550	-	-
Các nhà cung cấp khác	254.772.779	254.772.779	189.251.973	189.251.973
	827.990.449	827.990.449	189.251.973	189.251.973

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Vận Tải Du Lịch Tuấn Nga	12.365.404	-
Công ty TNHH Vận Tải Thương Mại Giáp & Diệp	2.427.836	-
Công ty TNHH Phúc Yên	4.182.416	4.183.035
Các khách hàng cấp khác	3.268.922	6.052.010
	22.244.578	10.235.045

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà Nước

	01/01/2025		Số phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	1.048.998.580	-	13.762.669.098	(13.755.081.783)	1.056.585.895	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.128.720.357	-	21.269.601.414	(20.534.009.307)	4.864.312.464	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(2.027.330.413)	2.975.110.845	(4.138.407.822)	-	(3.190.627.390)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	519.189.820	(1.118.831.280)	-	(599.641.460)
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	5.177.718.937	(2.027.330.413)	38.529.571.177	(39.549.330.192)	5.920.898.359	(3.790.268.850)

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.962.205.513	94.687.139.268
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.385.801.557	1.394.351.247
Tổng thu nhập chịu thuế	106.348.007.070	96.081.490.515
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	21.269.601.414	19.216.298.103

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.15 Phải trả người lao động

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền lương nhân viên	21.414.115.828	17.831.763.081
	21.414.115.828	17.831.763.081

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Quảng cáo FUTA Phương Trang Việt Nam	105.120.000	105.120.000
Công ty TNHH GUTA Việt Nam	98.181.818	90.909.091
Công ty TNHH 3KA Nguyễn	75.800.000	27.148.482
Công ty TNHH Vòng tròn Đỏ	37.080.645	37.080.645
Công ty Cổ phần Truyền thông Vinama	56.000.000	-
Các đối tượng khác	-	22.880.000
	372.182.463	283.138.218

Đây là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng.

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả	2.549.978	-
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines – tiền uỷ thác bán vé	1.090.320.000	1.590.437.000
Các đối tượng khác	106.878.060	75.145.375
	1.199.748.038	1.665.582.375

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Nhận ký quỹ dài hạn – Các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	61.285.000	61.285.000
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	38.513.000	42.513.000
Nhận ký quỹ dài hạn – Các tổ chức và cá nhân khác		
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	543.690.000	558.690.000
Các đối tượng khác	3.455.592.011	3.404.183.527
	4.099.080.011	4.066.671.527

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2025 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Tăng khác VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2025 VND
Quỹ khen thưởng	7.892.913.150	6.050.000.000	31.150.000	(7.153.706.667)	6.820.356.483
Quỹ phúc lợi	4.519.918.553	6.050.000.000	-	(8.419.432.379)	2.150.486.174
Quỹ thưởng người quản lý Công ty	388.800.000	741.570.000	-	(388.800.000)	741.570.000
	12.801.631.703	12.841.570.000	31.150.000	(15.961.939.046)	9.712.412.657

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn góp của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	-	-	118.927.026.605	58.985.648.673	202.912.675.278
Lãi trong năm	-	-	-	-	75.470.841.165	75.470.841.165
Trích lập quỹ:						
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.401.200.000)	(12.401.200.000)
Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty	-	-	-	-	(388.800.000)	(388.800.000)
Tại ngày 31/12/2024	25.000.000.000	-	-	118.927.026.605	121.666.489.838	265.593.516.443
Tại ngày 01/01/2025	25.000.000.000	-	-	118.927.026.605	121.666.489.838	265.593.516.443
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn CSH	5.000.000.000	(80.850.000)	(330.000)	(5.000.000.000)	-	(81.180.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	83.692.604.099	83.692.604.099
Trích lập quỹ:						
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.100.000.000)	(12.100.000.000)
Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty	-	-	-	-	(741.570.000)	(741.570.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	30.000.000.000	(80.850.000)	(330.000)	113.927.026.605	142.517.523.937	286.363.370.542

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	15.300.000.000	51%	12.750.000.000	51%
America LLC	7.082.400.000	24%	5.907.000.000	24%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	3.006.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Các cổ đông khác	4.611.600.000	15%	3.838.000.000	15%
	30.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.999.967	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu quỹ	33	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.999.967	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận:

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	VND
- Chia cổ tức	50.000.000.000

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 63/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.100.000.000
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý Công ty	741.570.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	171.969.182.626	158.282.285.993
	171.969.182.626	158.282.285.993

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH Vận Tài Kumho Samco Buslines	1.382.099.715	1.417.432.316
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	421.201.401	469.120.669
	1.803.301.116	1.886.552.985
6.2 Giá vốn hàng bán		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	68.280.440.077	62.895.483.646
	68.280.440.077	62.895.483.646
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	13.127.810.485	10.626.324.956
	13.127.810.485	10.626.324.956
6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.963.225.385	11.475.408.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	926.721.168	1.008.511.235
Chi phí điện	637.486.855	534.152.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.979.985.908	4.035.829.024
	18.507.419.316	17.053.901.578
6.5 Thu nhập khác		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	325.404.792	62.161.818
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	-	13.629.091
Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp thuê mặt bằng	5.131.351.606	4.535.149.362
Thu nhập khác	1.196.331.818	1.118.348.124
	6.653.088.216	5.729.288.395

6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.692.604.099	75.470.841.165
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.841.570.000)	(12.790.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	70.851.034.099	62.680.841.165
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.686.289	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.375	25.072

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.500.000	2.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 18 tháng 08 năm 2025	186.289	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.686.289	2.500.000

6.7 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	269.062.967	317.961.108
Chi phí nhân viên	63.306.044.245	57.586.648.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.236.182.878	4.595.885.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.505.600.564	10.622.602.470
Chi phí bằng tiền khác	6.470.968.739	6.826.287.899
	86.787.859.393	79.949.385.224

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1 Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng Quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Phải trả người bán	827.990.449	-	827.990.449
Các khoản phải trả khác	1.197.198.060	4.099.080.011	5.296.278.071
	2.025.188.509	4.099.080.011	6.124.268.520
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Phải trả người bán	189.251.973	-	189.251.973
Các khoản phải trả khác	1.665.582.375	4.066.671.527	5.732.253.902
	1.854.834.348	4.066.671.527	5.921.505.875

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.633.241.281	131.447.991.915	2.633.241.281	131.447.991.915
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	277.300.000.000	130.580.000.000	277.300.000.000	130.580.000.000
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	45.594.851	182.658.790	45.594.851	182.658.790
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	5.797.404.563	5.200.533.669	5.797.404.563	5.200.533.669
Các khoản phải thu khác	3.128.010.645	2.583.447.562	3.128.010.645	2.583.447.562
Tổng cộng	288.904.251.340	269.994.631.936	288.904.251.340	269.994.631.936
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	827.990.449	189.251.973	827.990.449	189.251.973
Các khoản phải trả khác	5.296.278.071	5.732.253.902	5.296.278.071	5.732.253.902
Tổng cộng	6.124.268.520	5.921.505.875	6.124.268.520	5.921.505.875

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội Đồng Quản trị			
Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	232.322.917	226.800.000
Mai Thanh Bình	Thành viên HĐQT	162.626.042	158.760.000
Đặng Nguyễn Nguyễn Huân	Thành viên HĐQT	162.626.041	158.760.000
Trần Văn Phương	Thành viên HĐQT	54.208.681	158.760.000
đến ngày 01/05/2025			
Bùi Công Hiệp	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	108.417.361	84.000.000
từ ngày 01/05/2025			

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thù lao Ban kiểm soát			
Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng BKS	162.626.042	158.760.000
Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên BKS	116.161.458	113.400.000
Nguyễn Văn Hà	Thành viên BKS	116.161.458	113.400.000
Lương và thưởng Ban Quản lý điều hành			
Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám Đốc đến ngày 01/05/2025	516.218.977	1.265.091.252
Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám Đốc từ ngày 01/05/2025	971.066.644	-
Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/05/2025	375.657.106	1.067.302.462
Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	1.080.942.836	1.022.020.878
Đỗ Kiều Kim Ngân	Kế toán trưởng từ ngày 01/06/2025	593.394.886	-
Nguyễn Văn Thành	Kế toán trưởng đến ngày 01/05/2025	339.082.791	968.616.011

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn -TNHH MTV	Chi trả cổ tức	(25.498.980.000)	(20.400.000.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	1.382.099.715	1.417.432.316
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ Hoàn trả tiền ký quỹ	421.201.401 (4.000.000)	469.120.669 -

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Phải thu thương mại ngắn hạn Phải trả dài hạn khác	45.594.851 (61.285.000)	136.604.103 (61.285.000)
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Phải thu thương mại ngắn hạn Phải trả dài hạn khác	- (38.513.000)	46.054.687 (42.513.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ HẰNG
Người lập



ĐỖ KIỀU KIM NGÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2026